

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẦNG LỚP THƯƠNG NHÂN HOA KIỀU Ở NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC

### *Business activities of overseas Chinese merchants in Cochinchina during the French colonial period*

TS. Võ Văn Thật<sup>(1)</sup>, Lại Thị Thanh Nga<sup>(2)</sup>

<sup>(1)</sup>Trường Đại học Sài Gòn

<sup>(2)</sup>Học viên cao học Trường Đại học Sài Gòn

#### TÓM TẮT

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, nhất là trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) và lần thứ hai (1919-1929) của thực dân Pháp, tầng lớp thương nhân người Hoa ở Nam Kỳ đã để lại dấu ấn sâu sắc trong các hoạt động kinh doanh của mình. Trước sự xâm nhập và lớn mạnh của phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa của tư bản Pháp ở Nam Kỳ, tầng lớp thương nhân Hoa Kiều ở Nam Kỳ đã nhanh chóng kết nối với hoạt động kinh doanh của tư bản Pháp với vai trò là cầu nối, họ từng bước trở thành cánh tay nối dài của giới tư sản Pháp, được chính quyền thực dân ưu ái trong nhiều hoạt động. Nhờ vậy, họ vươn lên trở thành thế lực chi phối các hoạt động kinh tế ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, tác động nhiều mặt đến đời sống kinh tế xã hội lúc bấy giờ.

**Từ khóa:** *tư sản Hoa kiều, thời Pháp thuộc, Nam Kỳ*

#### ABSTRACT

During the French colonial period, especially during the first colonial exploitation (1897-1914) and the second (1919-1929) of the French colonialists, the Chinese merchant class in Cochinchina left a deep mark in its business activities. Before the penetration and growth of the capitalist business method of French capital in Cochinchina, the overseas Chinese merchant class in Cochinchina quickly connected with the French capitalist business as a bridge, gradually becoming an extension of the French bourgeoisie, favored by the colonial government in many activities. Thanks to that, they rose to become the dominant force in economic activities in Cochinchina during the French colonial period, affecting many aspects of socio-economic life at that time.

**Keywords:** *overseas Chinese bourgeoisie, French colonial period, Cochinchina*

### 1. Sự hình thành tầng lớp thương nhân Hoa kiều ở Nam Kỳ

Người Hoa hiện diện ở Nam Kỳ khoảng những năm 70 của thế kỷ XVII. Những nhóm đầu tiên đến Nam Kỳ phần lớn là những binh lính, quan lại, nông dân, thợ thủ công, nho sĩ, thương nhân... không

thần phục nhà Thanh nên bỏ xứ ra đi. Trong số đó, nổi lên hai nhóm quân gồm: nhóm của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch cùng với thân nhân, binh sĩ khoảng 3.000 người trên 50 chiếc thuyền khởi hành từ Quảng Đông kéo đến Nam Bộ năm 1679 xin được tỵ nạn ở Việt Nam.

Được sự cho phép của chúa Nguyễn, hai viên quan họ Trần và họ Dương chia tách thành hai nhánh: Trần Thượng Xuyên đến định cư ở đất Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai ngày nay, còn Dương Ngạn Địch đến lập nghiệp ở Mỹ Tho. Năm 1778, một bộ phận người Hoa từ Biên Hòa đã chuyển cư về vùng Chợ Lớn của thành phố Sài Gòn; nhóm của Mạc Cửu với hơn 400 người đến lập nghiệp ở Chân Lạp từ năm 1671 (Trần Thị Anh Vũ, 2018, p. 65). Về sau, Mạc Cửu rút về Hà Tiên và mở rộng quyền thống trị từ suốt vùng Đông Nam Chân Lạp kéo dài qua Hà Tiên, đến tận Cà Mau. Trong lãnh thổ mới của mình, Mạc Cửu đã biến vùng đất Hà Tiên thành một cảng thị sầm uất mà thuyền bè từ bốn phương đều lui tới “đông đến mức người ta không đếm xuê số cột buồm. Hà Tiên hời ậy được mệnh danh là Tiểu Quảng Châu” (Nguyễn Cẩm Thúy (Chủ biên), 2000, p. 10). Năm 1708, trước sự quấy phá của quân Xiêm và sự suy yếu của Chân Lạp, Mạc Cửu đã thần phục Chúa Nguyễn, dâng Hà Tiên cho Chúa Nguyễn. Từ đó, vùng đất Hà Tiên sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy kể từ cuối thế kỷ XVII, Nam Kỳ - miền đất mới của Việt Nam trở thành nơi thu hút phần lớn người Hoa nhập cư. Những nơi người Hoa cư trú đông đúc, hoạt động thương mại và thủ công nghiệp phát triển nhanh chóng. Chính bộ phận người Hoa di trú này đã kiến tạo nên các làng, các phố người Hoa và biến những nơi họ sinh sống thành các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa ở Nam Kỳ như Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định), Hà Tiên. Cũng từ thời gian này, người Hoa buôn bán tại Nam Kỳ bắt đầu được hình thành, dần dần họ tạo ra mạng lưới kinh doanh rộng khắp Nam Kỳ, kết nối thị trường Nam Kỳ với các vùng trong cả

nước và với nước ngoài, giữa người sản xuất với người tiêu dùng cư dân bản địa.

Trong các thế kỷ XVIII, XIX, làn sóng di cư của người Hoa đến Nam Kỳ vẫn tiếp tục diễn ra. Một thống kê vào năm 1819 cho biết, mỗi năm có hàng ngàn người Hoa tới Việt Nam và từ 30% đến 40% trong số người đó ở lại đây lập nghiệp (Nguyễn Đệ, 2008, p. 60). Những di dân người Hoa đến Nam Kỳ thường chọn địa bàn cư trú là khu vực phố thị, giao lộ của những trục giao thông chính hay bến cảng để sản xuất, kinh doanh. Cho đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam thì ở Nam Kỳ có khoảng 40.000 người Hoa sinh sống chủ yếu ở các đô thị, trung tâm kinh tế, trong đó Sài Gòn - Chợ Lớn là nơi người Hoa quy tụ đông đảo (Nguyễn Đệ, 2008, p. 35). Trước làn sóng di cư mạnh mẽ của người Hoa, chính quyền thực dân đã ban hành Nghị định tháng 11/1862 nhằm hạn chế bớt sự di dân của người Hoa đến Nam Kỳ. Theo đó, người Hoa chỉ được chấp nhận lưu trú tại Nam Kỳ khi họ làm thủ tục đăng ký và đóng thuế, nếu không họ sẽ bị gửi trả về nguyên quán (Nguyễn Đệ, 2008, p. 43). Một thống kê khác vào năm 1889 cho thấy số người Hoa nhập cư là khoảng 50.000 người; trong đó có 16.000 người sống ở Chợ Lớn, 7.000 người ở Sài Gòn, 5.000 người ở Sóc Trăng, 4.000 người ở Trà Vinh, khoảng 3.000 người ở Gia Định, Cần Thơ, Bạc Liêu, Mỹ Tho và gần 1.500 người ở vùng Sa Đéc, Châu Đốc (Lê Thụy Hồng Yến, 2019, p. 48).

Từ đầu thế kỷ XX, tình hình Trung Quốc có nhiều chuyển biến, số lượng người Hoa di cư đến Nam Kỳ ngày càng nhiều. Thống kê dân số vào năm 1916 cho thấy, Nam Kỳ lúc bấy giờ có tổng dân số là 3.279.816 người thì trong đó có 173.706 người Hoa (Nguyễn Phan Quang, 1998, pp.

57-58)

Mặc dù chính quyền thực dân có những qui định nhằm hạn chế người Hoa nhập cư, nhưng trên thực tế thì việc nhập cư vẫn diễn ra bằng nhiều hình thức và lượng người nhập cư không ngừng tăng. Vào năm 1921, số người Hoa ở Nam Kỳ lên đến 156.000 người (Lê Thụy Hồng Yến, 2019, p. 51). Như vậy, so với năm 1889, số lượng người Hoa nhập cư đã tăng gấp 3 lần.

Từ khi Nhật vào Đông Dương, nhất là khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), dưới sự khống chế của quân đội Nhật, người Hoa gặp nhiều khó khăn như những đồng hương của họ tại Trung Hoa và các quốc gia lân bang. Kết quả là trong khoảng thời gian 1940 - 1945, hơn 33.000 người Hoa đã rời Nam Kỳ về lục địa hay di cư sang Campuchia, Lào, Thái Lan,... (Nguyễn Cẩm Thúy (Chủ biên), 2000, p. 23)

Nhìn lại lịch sử di dân của người Hoa đến Nam Kỳ, ta có thể thấy rằng: cũng như người Hoa di dân nói chung, bộ phận thương nhân Hoa kiều đến Nam Kỳ liên tục trong nhiều thế kỷ, đặc biệt là từ cuối thế kỷ XVII cho đến những năm đầu thế kỷ XX. Dưới thời Nam Kỳ thuộc Pháp, thương nhân người Hoa tìm đến Nam Kỳ ngày càng đông, chủ yếu vì lí do kinh tế. Họ sống rải rác khắp Nam Kỳ nhưng tập trung đông nhất là ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Phần đông trong số họ tìm cách định cư lâu dài ở vùng đất mới Nam Kỳ. Theo truyền thống nghề nghiệp, thương nhân Hoa kiều tỏ ra có thể mạnh trong các lĩnh vực thương mại tư nhân và đầu thầu. Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, nhất là trong hai lần khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, bộ phận thương nhân Hoa kiều luôn đóng vai trò chủ đạo và nổi trội trong bức tranh kinh tế của Nam Kỳ. Điều này sẽ được làm

rõ trong phần hoạt động và thành tựu kinh doanh của thương nhân Hoa kiều ở phần sau.

## **2. Hoạt động kinh doanh của thương nhân Hoa kiều ở Nam Kỳ**

Trong suốt quá trình xâm lược và tiến hành cai trị, khai thác thuộc địa ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, thực dân Pháp đặc biệt chú trọng đến hoạt động thương mại tại Nam Kỳ. Đây là điều kiện thuận lợi để người Hoa phát huy khả năng kinh doanh, họ lũng đoạn nhiều lĩnh vực kinh tế. Có thể liệt kê một vài lĩnh vực tiêu biểu sau đây:

### **2.1. Lĩnh vực kinh doanh lúa gạo**

Trước khi thực dân Pháp kéo quân vào Gia Định (1859), tư sản Hoa kiều đã làm chủ các hoạt động kinh tế ở đây. Cuối thế kỉ XIX, toàn Nam Kỳ có 60.000 người Hoa (trong đó 25.000 ở Sài Gòn - Chợ Lớn (Nguyễn Phan Quang, 2002, p. 77). Hoạt động kinh tế của người Hoa rất đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là kinh doanh lúa gạo. Họ nắm gần như toàn bộ ngành thu mua, xay xát và xuất khẩu lúa gạo. Đầu thế kỷ XX, hầu như toàn bộ các nhà máy xay xát lúa ở Nam Kỳ đều thuộc sở hữu của Hoa kiều” (Phan Quang, 2014, pp. 154-155). Thời Pháp thuộc, ở Nam Kỳ có một số trung tâm buôn bán lúa gạo của thương nhân người Hoa lập ra như: ở Bến Tre, có chành lúa đồ sộ của Phan Ký (vốn là Hoa kiều gốc Quảng Đông). Ông lập công ty Nam Thái - là một tổ chức kinh doanh lúa gạo lớn nhất ở Bến Tre, vừa là đại lý cho các hãng buôn tạp hóa ở Chợ Lớn; ở Cần Thơ có chành lúa của Lâm Chi Phát. Chành có sức chứa vài chục ngàn bao, có khi đến cả trăm ngàn bao (loại bao 100 kg) (Phạm Thị Huệ, 2016, p. 102). Công ty Mễ Cốc Hậu Giang đặt tại Cái Răng cũng do người Hoa chi phối; Đại diện tiêu biểu cho

giới thương nhân người Hoa năng động trong kinh doanh lúa gạo ở Bạc Liêu là đại điền chủ Trần Trinh Trạch. Ông có nhiều đoàn ghe tổ chức thu mua lúa gạo vận chuyển về Sài Gòn. Với việc xây dựng các kênh mương, đê đập, dự trữ lúa gạo và tham gia phát triển công nghiệp chế biến, Trần Trinh Trạch được giới kinh doanh phong là vua lúa gạo. Cũng giống như các trung tâm buôn bán lúa gạo ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ, việc buôn bán lúa gạo ở Sài Gòn cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ của các thương nhân người Hoa. Ghi nhận thực tế này, tác giả Robequain viết: “Thương nhân (người Hoa) thu mua lúa về các nhà máy xay. Họ liên kết chặt chẽ với người của mình tại các vùng sản xuất lúa gạo (thường là những thương gia lớn). Họ cũng là chủ nhân của phần lớn ghe thuyền ở Nam Kỳ. Họ có mạng lưới đại lý rất rộng. Người của họ tỏa đi khai thác nguồn hàng liên tục khắp hang cùng ngõ hẻm trong mọi vùng quê...” (Nguyễn Phan Quang, 2006, p. 1129). Đồng quan điểm với tác giả Nguyễn Phan Quang, nhà văn Sơn Nam cũng cho biết: “Khi làm ăn với những công ty chuyên xuất cảng lúa gạo, giới mua bán người Hoa luôn luôn được ứng trước 50 phần trăm, có khi đến 80 hoặc 100 phần trăm trị giá số gạo sẽ cung cấp theo giao kèo”. Như vậy có thể khẳng định rằng, người Hoa đã có tầm ảnh hưởng lớn như thế nào. Đồng thời có vai trò hết sức quan trọng, chi phối thị trường lúa gạo Nam Kỳ và xuất khẩu qua cảng Sài Gòn nói riêng. Từ năm 1896, Bộ Thuộc địa Pháp cũng đã thừa nhận: “Hoạt động xuất khẩu của Nam Kỳ hầu như hoàn toàn nằm trong tay thương nhân người Hoa. Chỉ có một số công ty Pháp tham gia hoạt động này” (Nguyễn Phan Quang, 2002, p. 79). Trong suốt thời gian Pháp tiến hành khai thác thuộc địa cho đến năm

1930, việc thu mua lúa của người Hoa đã quy định rất chặt chẽ, với giá cả quy định từng ngày tùy thị trường nước ngoài (Trung Quốc hay Đông Nam Á). Nhờ cách thức làm ăn chặt chẽ ấy, giới tư sản Hoa kiều phát lên rất nhanh, quy mô ngày một lớn. Ở Long Xuyên, nhiều kênh mương dự trữ của các tay mại bản mọc lên như nấm, có sức chứa đến 18.000 tấn. Tại Phước Long, Rạch Giá trên đường từ Bạc Liêu đến Trà Ôn, có tay mại bản cất dãy kênh mương chứa đến 100.000 gạ, vào mùa lúa, cứ 15 ngày, cho một ghe cỡ 3.000 tạ đi Chợ Lớn (Sơn Nam, 2014, p. 210).

Như trên đã nói, từ việc thu mua, chuyên chở lúa gạo ở Lục tỉnh, tới việc xay xát chế biến lương thực và xuất cảng trong toàn Nam Kỳ đều do tư sản người Hoa đầu tư. Do nhu cầu xuất khẩu gạo ngày càng nhiều nên số xí nghiệp xay xát gạo ngày càng tăng lên nhanh chóng trong những năm 20 và 30 của thế kỷ XX: người Hoa chiếm 13/18 nhà máy xay xát gạo trong những năm 1920; 75/94 (chiếm 80%) trong những năm 30. Trong khi đó, người Pháp chỉ có 3 và người Việt có 16 (Châu Thị Hải, 2018, p. 253). Với thực lực này đã cho phép người Hoa chiếm thế độc quyền trong xuất khẩu gạo và ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đặc biệt là ngành xay xát lúa gạo thời đó. Nhà văn Sơn Nam đưa ra số liệu cụ thể như sau: chỉ tính các nhà máy xay cỡ nhỏ, năm 1927 có 241 nhà, năm 1931 có 365 nhà. Các nhà máy xay xát lớn tập trung ở Rạch Giá, Phú Lộc, Nhâm Lăng (Sóc Trăng), Lấp Vò (Long Xuyên) và nhiều nhất là ở Chợ Lớn (Sơn Nam, 2014, p. 210). Tác giả Nguyễn Cẩm Thúy cũng đưa ra số liệu minh chứng: Vùng Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 70 nhà máy xay lúa thì 70% là của người Hoa (Nguyễn Cẩm Thúy (Chủ biên), 2000, p. 40). Trong số những

nhà máy ở Sài Gòn - Chợ Lớn, hoạt động náo nhiệt nhất là những nhà máy xay lúa của họ ở Bình Đông, Bình Tây cung ứng cho nhu cầu xuất cảng to lớn. Theo ghi chép của tác giả Sơn Nam: Trong hai năm 1925-1926, số nhà máy xay tại Chợ Lớn tăng gần gấp đôi; năm 1927, 20 nhà máy loại to hoạt động, tổng cộng 13.000 sức ngựa, có thể xay ra mỗi năm chừng 2.900 000 tấn gạo, trong khi yêu cầu xuất cảng không hơn 1.300 000 tấn (Sơn Nam, 2014, p. 208). Như vậy, với công suất và năng suất mà tác giả Sơn Nam liệt kê trên đây thì không còn nghi ngờ gì nữa về vai trò lũng đoạn của tư sản Hoa kiều đối với hoạt động kinh tế mũi nhọn này.

## **2.2. Lĩnh vực kinh doanh rượu, thuốc phiện**

Thuốc phiện và rượu là hai món hàng đem lại lợi nhuận kếp xù cho giới thương nhân Hoa kiều. Khi Pháp còn đang bận rộn đánh chiếm Nam Kỳ, trong suốt gần 20 năm (1862 -1880) họ đã khoán cho Hoa thương độc quyền món hàng gây nghiện và sinh lời này. Mãi đến năm 1881, người Pháp mới lập Ty trực quản thuốc phiện, lúc này vai trò lũng đoạn của tư sản Hoa kiều mới bị thuyên giảm (về hình thức). Thời còn độc quyền, trong số 7 bang (của người Hoa) thì bang Phúc Kiến và bang Quảng Đông là những bang mạnh nhất tranh giành đầu thầu lĩnh trung thuốc phiện. Họ đã thiết lập một mạng lưới những người bán lẻ khắp Nam Kỳ và cung cấp cho cơ sở nấu thuốc phiện ở Chợ Lớn. Đây là lời kể của viên Thanh tra Sự vụ về bản xứ tỉnh Vĩnh Long vào năm 1869: “Vậy mà ngôi nhà trung tâm không phải chỉ dành cho việc buôn bán thuốc phiện, nó còn dành cho tất cả các việc buôn bán khác. Nhờ vào 50 đại lý có môn bài hoặc bị phế bỏ nếu thấy cần, nó đã thu tóm được tất cả các chợ và các

làng xã lớn. Chỉ bằng việc buôn bán thuốc phiện, nó đã thu tóm dễ dàng thương mại của cả nước, mà chẳng phải tốn phí gì. Người ta nói rằng ở những vùng hẻo lánh, việc buôn bán được tiến hành bằng bạo lực. Các tàu thuyền và các đồn canh của nhà lãnh trung đã tiến hành khám xét tàu thuyền của người Việt Nam, thu giữ giấy thông hành và chỉ trả lại giấy tờ cho họ khi đã thu được thù lao bằng tiền hay bằng hiện vật. Quả thật, những người Hoa lĩnh trung này rất mạnh và đông, được trang bị tốt đến mức người Việt Nam tưởng rằng họ là của chính quyền Pháp” (Philippe Le Failler , Trần Thị Lan Anh, Trịnh Thị Thu Hồng (dịch), 2000, pp. 36-37).

Trong số những người lĩnh trung thuốc phiện lừng danh khắp Nam Kỳ trước cả Huỳnh Văn Hoa (Chú Hỏa), Quách Đàm phải kể đến Vạn Hạp (1) (tên thường gọi là Nhan Văn Hạp). Dựa vào các nguồn tài liệu lưu trữ, một số nhà nghiên cứu Việt Nam, trong đó có nhà văn Sơn Nam và nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển khẳng định Vạn Hạp giàu lớn nhờ kinh doanh thuốc phiện. Không nêu nguồn nhưng Sơn Nam có viết: “Họ trúng thầu á phiện nhiều năm liên tiếp cho toàn cõi Nam Kỳ. Vạn Hạp (Hạp) làm chủ non phân nửa nhà phố ở Chợ Lớn và khai thác gần như độc quyền hầu hết các tiệm cầm đồ ở Chợ Lớn”. Năm 1931, tại Sài Gòn và Chợ Lớn, có hơn 500 tiệm hút công khai, chưa kể những nơi lén lút” (Sơn Nam, 2014, p. 213). Như vậy ngoài những người Hoa giàu có nhờ sự cần kiệm thủ tín thì còn có những bậc đại phú do làm giàu bất chấp tác hại xã hội như buôn á phiện hay buôn rượu.

Ở Đông Dương, người Hoa là dân tộc thiểu số, bao gồm 300.000 người, chiếm khoảng 1% dân số, chủ yếu tập trung ở Nam Kỳ (141.000) và ở Campuchia

(114.000) (4) (Philippe Le Failler , Trần Thị Lan Anh, Trịnh Thị Thu Hồng (dịch), 2000, p. 49). Người Hoa ở Nam Kỳ nắm giữ hoạt động thương mại đáng kể ở thành thị cũng như ở nông thôn. Họ giữ một thứ quyền lực bí ẩn trong tất cả các hoạt động kinh tế và thuốc phiện là một ví dụ. Vì thế chính quyền thực dân Pháp mưu tính tách người Hoa ra khỏi những hoạt động lĩnh trung thuốc phiện bằng cách lập Ty quản lý thuốc phiện. Nhưng tính theo tỷ lệ thì người Hoa là khách hàng chính của Ty quản lý thuốc phiện. Họ mua hàng ở một người bán lẻ cũng là người Hoa.

Để bảo vệ độc quyền sản xuất thuốc phiện, chính quyền Pháp treo giải thưởng cho những ai báo tố chức hay cá nhân nào buôn bán thuốc phiện lậu bị bắt. Một số người Hoa đã chơi khăm lại chính quyền Pháp. Báo *The Straits Times* ngày 19/5/1899 đã đăng như sau: “Người ta cho rằng các cuộc buôn lậu thuốc phiện trên các tàu chạy hơi nước từ Trung Quốc đến Sài Gòn là do người Hoa cố tình giấu thuốc phiện ở trên tàu để rồi sau đó nhận lấy phần thưởng ở cảng Sài Gòn. Một nhóm của họ ở Sài Gòn báo cho cảnh binh làm hàng thuốc phiện bị lộ, bị tịch thu tàu và thuyền trưởng của tàu chuyên chở bị phạt tiền. Nhóm người Hoa âm mưu này sau đó chia nhau số tiền thưởng, người chỉ điểm nhận được từ 1.500 đồng đến 2.000 đồng cho mỗi lần như vậy. Số lượng thuốc phiện lúc nào cũng nhỏ, nhưng cũng vừa đủ để hệ thống xử phạt được thi hành” (Nguyễn Đức Hiệp, 2014, p. 53). Đó là một trong những phương thức tinh vi và khôn ngoan mà giới thương nhân Hoa kiều sử dụng để qua mặt người Pháp. Sự lũng đoạn của Hoa kiều đã chọc giận người Pháp, nhưng nếu như người Pháp công khai coi thường họ và chê bai họ sau lưng thì người Pháp sẽ lãnh hậu quả lớn. Vì

ở Nam Kỳ, nơi Ty thuốc phiện bán ra một nửa tổng số thuốc phiện của cả thuộc địa lại có tới 15.000 người Hoa hút thuốc phiện. Và trong số 1110 quầy bán lẻ, có tới 4/5 số quầy này là do người Hoa nắm giữ (Philippe Le Failler , Trần Thị Lan Anh, Trịnh Thị Thu Hồng (dịch), 2000, p. 86).

Cũng như thuốc phiện, mặt hàng rượu vẫn không thoát khỏi sự thâm tóm của Hoa thương. Dù năm 1892, chính quyền thực dân ban hành Nghị định thành lập nhà máy rượu Bình Tây ở thành phố Chợ Lớn nhằm độc quyền sản xuất rượu trắng và độc quyền phân phối loại hàng này. Việc kiểm soát giao cho các ban Hội tế làng và hợp lực với Sở Đoan. Nhưng khi đi vào thực tế, việc giao độc quyền sản xuất rượu cho một nhà máy duy nhất như vậy đã gây ra những bất lợi, mà bất lợi lớn nhất là sự bất hợp tác của giới Hoa thương trong khâu phân phối và hiện tượng buôn lậu rượu của họ làm tổn thất nguồn thu của chính quyền. Vì thế đến năm 1894, Thống đốc Nam Kỳ đã đề nghị lên Toàn quyền Đông Dương bỏ việc độc quyền sản xuất và bán rượu trên địa bàn Nam Kỳ. Dù có nhiều cố gắng nhưng người Pháp cũng không cạnh tranh và phá nổi hệ thống kinh doanh buôn bán và phân phối rượu, á phiện của tư sản Hoa kiều. Người Pháp đành phải coi Hoa kiều là “đồng minh bất đắc dĩ”.

### 2.3. Một số lĩnh vực khác

Không chỉ lũng đoạn trong hoạt động kinh doanh lúa gạo, rượu, thuốc phiện mà ngay trong một số ngành công nghiệp khác, tư bản Hoa cũng chiếm một tỷ lệ khá cao, tới 24% trong tổng số vốn tư bản thuộc địa và chỉ đứng sau tư bản Pháp; và cũng không chỉ ở Sài Gòn - Chợ Lớn mà ngay cả ở Hải Phòng, Hà Nội, người Hoa cũng nắm trong tay nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ. Năm 1939, ở Hải Phòng có 70 xí

nghiệp, người Hoa chiếm 26, người Pháp 38 và người Việt chỉ có 6 (Châu Thị Hải, 2018, p. 253). Ngay cả việc sửa chữa nhà máy và bán phụ tùng cũng nằm trong tay người Hoa. Đầu những năm 30 - 40 của thế kỷ XX, trong lĩnh vực cơ khí đã có gần 200 cơ sở sản xuất đủ loại máy móc đơn giản và phụ tùng sửa chữa duy trì các máy móc có sẵn (Nguyễn Cẩm Thúy (Chủ biên), 2000, p. 41). Ngoài hoạt động thu mua và xay xát lúa gạo, người Hoa còn gây ấn tượng cả ở kỹ nghệ sản xuất và chế biến thực phẩm, các mặt hàng thủ công như hàng may mặc, thuộc da, đồ gỗ, gạch ngói, in ấn... Chính quyền Pháp cũng phải thừa nhận “tư bản Trung Hoa có đại diện rất mạnh trong việc buôn bán gạo, trong việc nhập khẩu vải bông và một phần khá lớn việc buôn bán lẻ ở Nam Kỳ tập trung trong tay người Trung Hoa” (Lê Hữu Phước,

2013, p. 143).

Tóm lại, trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, người Hoa đã thích ứng nhanh và góp phần tích cực trong việc hình thành cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nam Kỳ. Họ đóng một vai trò khá quan trọng trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và đã xác lập được vị trí của mình trong nền kinh tế thuộc địa cũng như trong các hoạt động kinh tế bản địa, nhất là trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giữ độc quyền trong xuất khẩu lúa gạo. Dù chỉ là một cộng đồng thiểu số ở Nam Kỳ nhưng người Hoa lại kiểm soát một tỉ lệ mất cân đối trong nền kinh tế, thậm chí có những lĩnh vực lấn lướt cả tư bản Pháp.

Bảng thống kê sau đây sẽ làm rõ hơn vị trí của tư bản người Hoa trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và buôn bán nói riêng.

**Bảng thống kê: Đầu tư của tư bản Pháp và tư bản người Hoa ở Việt Nam năm 1906 (đơn vị triệu phorăng)**

Lĩnh vực	Số lượng (đơn vị triệu phorăng)			Tỉ lệ phần trăm	
	Tư bản Pháp	Tư bản Hoa	Tổng cộng tư bản theo lĩnh vực	Tư bản Pháp	Tư bản Hoa
<b>Nông nghiệp</b>	13	6	19	70	30
<b>Công nghiệp chế biến- chế tạo và hầm mỏ</b>	72	24	96	76	24
<b>Thương mại</b>	41	66	107	38	62
<b>Tổng số vốn theo nguồn gốc dân tộc</b>	126	96	222	57	43

Nguồn: (Trần Khánh, 2002, p. 170)

Ở mọi nơi, sự thông minh, chịu khó, khả năng thủ công và sự kiên nhẫn đã giúp họ cạnh tranh và qua mặt người dân địa phương, nhất là tư sản Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế, và đạt được một mức độ ảnh

hưởng nhất định đối với chính quyền thực dân. Sự thao túng của họ trên thị trường khiến nhân dân lao động nghèo ngàng, những nhà trí thức bản khoản cho tương lai của đất nước, giới kinh doanh bị chèn ép cắt

tiếng kêu la, còn người Pháp thì kính nể.

### **3. Tác động của các hoạt động kinh doanh của tầng lớp thương nhân Hoa kiều ở Nam Kỳ đối với xã hội Nam Kỳ thời Pháp thuộc**

Như đã đề cập, trước khi thực dân Pháp xâm lược và thiết lập ách cai trị đối với vùng đất Nam Kỳ, tầng lớp thương nhân Hoa kiều đã đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Sự xâm nhập và bành trướng của tư bản Pháp mở đầu thời kỳ phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở đây. Tầng lớp nhà buôn, thợ thủ công người Hoa đã thích ứng mau lẹ với môi trường kinh tế mới và đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc hình thành nên cơ cấu kinh tế chủ nghĩa tư bản ở Nam Kỳ. Chính những hoạt động kinh doanh đa dạng, nhất là vai trò chi phối lĩnh vực thương mại của thương nhân Hoa kiều trong ba thập niên đầu thế kỷ XX đã góp phần tạo nên sự sôi động cho nền kinh tế Nam Kỳ, biến Nam Kỳ trở thành vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, thậm chí là cả Đông Dương.

Tuy nhiên, tác động xã hội lớn nhất mà tư sản Hoa kiều gây ra từ chính sự vươn lên của họ là những xáo trộn rất lớn đối với đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân Việt Nam, nhất là bộ phận tư sản người Việt ở Nam Kỳ bị lao đao khốn đốn vì tư sản Hoa kiều, mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam từ đó mà ngày càng gay gắt hơn.

Trong những thập niên đầu thế kỉ XX, lực lượng tư sản người Việt ở Nam Kỳ mới hình thành vốn nhỏ yếu về kinh tế đã vấp phải sự cạnh tranh, chèn ép gay gắt của các thế lực thương nhân Hoa kiều, từ đó họ nảy sinh tâm lí đố kị, bức xúc với lực lượng này. Bạch Thái Bưởi là một ví dụ điển hình về cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường của tư sản Việt Nam với tư sản Hoa Kiều. Báo *Nam Phong* đã mô tả sự việc này như sau: “Năm 1909, Bạch Thái Bưởi

thuê ba cái tàu Phi Phượng (Phenix), Phi Long (Dragon) và Khoái tử Long (Fai-tsi-Long) của A.R. Marty là một chủ hãng tàu chuyên chạy thư tín cho chính phủ Pháp khi hết hạn hợp đồng với chính phủ Pháp) để chạy tuyến Nam Định - Hà Nội; Nam Định - Bến Thủy là hai tuyến đường quan trọng mà Khách vẫn độc quyền từ trước đến lúc đó. Một cuộc cạnh tranh khốc liệt đã diễn ra. Ông hạ giá một, thời họ hạ giá hai, ông hạ giá hai thời họ hạ giá ba, ông mời khách uống nước, thời họ mời khách ăn bánh ngọt, tranh nhau từng bước mà cố gắng phần hơn, thậm chí giá hành khách từ Nam Định đi Hà Nội trước là 0,30\$, 0,40\$ mà rút tới 5 xu, 3 xu; cước đồ hàng thời 1 tấn gạo lấy chỉ bằng giá 1 bì gạo trước. Cuối cùng để tránh vỡ nợ, Bạch Thái Bưởi đã dùng đến cách vận động nhân tâm, đứng ra diễn thuyết trên bến, trong tàu kể đường hơn lẽ thiệt trong việc buôn bán cho hành khách nghe, khuyên người mình nên giúp đỡ lẫn nhau thời mới có thể cạnh tranh với người Khách được. Những lời khuyên khích ấy xem ra nhiều người cảm, khách đi tàu ông mỗi ngày nhiều hơn..., dần dần hành khách bỏ các tàu Khách mà đi tàu của ông” (Nam Phong, Số 29, 1919, p. 383)

Ở Nam Kỳ, trước và trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), những tình cảnh éo le như Bạch Thái Bưởi là không hề ít. Những nhà tư sản lớn bị phá sản như Nguyễn Chiêu Thông, chủ nhà máy xay vào loại lớn nhất ở Sài Gòn, vốn 730.000\$ thì mắc nợ tới hơn 500.000\$ do đó phải khánh tận tài sản. Nguyễn Thành Điem, chủ hãng xe hơi lớn nhất Vĩnh Long, vốn 600.000\$ thì mắc nợ tới hơn 300.000\$ và cũng bị phá sản... (Nguyễn Công Bình, 2020, p. 150).

Tầng lớp phú nông ở nông thôn, do giá cả nông phẩm rẻ mạt, lại bị đồng bạc lên cao giá nên họ cũng bị điêu đứng. Họ bị thiệt hại do bán nông phẩm rẻ rúng bởi tư



sản Hoa kiều ép giá và thuế tăng lên gấp bội lần. Cho nên chẳng những nông dân bị khánh kiệt mà một số phú nông cũng bị phá sản hàng loạt.

Như vậy, chính sự lũng đoạn về kinh tế của tư sản Hoa kiều đã gây ra những xáo trộn rất lớn đối với đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân Việt Nam. Họ cũng là một trong những nguyên nhân làm đẩy lên phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân Việt Nam như công nhân, nông dân, tiểu tư sản trí thức và nhất là tầng lớp tư sản dân tộc với đỉnh cao là phong trào Minh Tân (2) và phong trào tẩy chay Khách trú diễn ra rầm rộ khắp Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Trước sức nóng của các phong trào kể trên, thực dân Pháp lo sợ sẽ vượt ra khỏi sự kiểm soát, ảnh hưởng xấu đến nền thống trị thuộc địa nên đưa ra những biện pháp ngăn cấm. Sau vài vụ bất bớ của chính quyền Pháp, phong trào lắng xuống và kết thúc.

#### 4. Kết luận

Từ việc phân tích các hoạt động kinh doanh của thương nhân Hoa kiều cũng như vị trí của họ trong nền kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc, chúng ta thấy rằng: Dưới thời kỳ Pháp thuộc, trong hoạt động kinh tế cũng như quan hệ xã hội, người Hoa đã có cách ứng xử hai mặt vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, vừa hòa nhập vừa cách biệt một cách tinh tế. Họ đi lách giữa dòng chảy kinh tế tư bản chủ nghĩa do thực dân Pháp mang đến và nền kinh tế phong kiến của

người dân bản địa Nam Kỳ để tồn tại và làm giàu. Suốt thời kỳ Pháp thuộc, vị trí kinh tế của người Hoa ở Nam Kỳ luôn ổn định và phát triển. Họ thiết lập kinh doanh mạng với nghệ thuật “móc nối” theo các mối quan hệ thân tộc, gia tộc, dòng họ rất vững chắc. Tính liên kết cộng đồng chặt chẽ này là một lợi thế cho sự cạnh tranh của họ với tư bản Pháp và chèn ép tư sản Việt Nam.

Nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh khôn khéo, năng động và đầy sáng tạo, từ những thế kỉ XVIII - XIX, tầng lớp thương nhân Hoa kiều đã góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa của các tỉnh phía Nam nói chung, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn nói riêng. Đồng thời góp phần tích cực trong việc mở rộng thị trường nội địa, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, về khách quan mà nói thì kinh tế người Hoa ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc cũng chỉ là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế thuộc địa và thân phận của tư sản Hoa kiều cũng lệ thuộc vào cơ tầng chính trị thuộc địa. Mặt khác, tình trạng lũng đoạn kinh tế của tư sản Hoa kiều cũng đã đẩy lực lượng tư sản người Việt mới ra đời vào thế bị cạnh tranh gay gắt, họ cảm thấy bị thua thiệt ngay tại quê hương bản quán của mình và dẫn đến sự hình thành tâm lí đố kị, tẩy chay trong thực tế. Nhưng đó là những bài học bổ ích về văn hóa kinh doanh của người Hoa đáng để người Việt học hỏi.

#### Chú thích

- (1) Có tài liệu viết là Vạn Hiệp hay Ban Hạp.
- (2) Phong trào Minh Tân ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX là phong trào yêu nước do tầng lớp trí thức tân học và các điền chủ có tinh thần yêu nước ở Nam kỳ khởi xướng và thực hiện. Đây là một phong trào độc lập, có tính nội sinh, bắt nguồn từ bối cảnh kinh tế - xã hội Nam Kỳ buổi đầu thời Pháp thuộc chứ không phải là hệ quả hay sự mở rộng của phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục. Tuy nhiên, quá trình phát triển của phong trào này lại có sự kết nối với phong trào Đông Du.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Châu Thị Hải (2018). *Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Lê Hữu Phước (2013). Nhận diện di sản kinh tế thời thuộc địa ở Nam Kỳ. Tạp chí *Phát triển khoa học và Công nghệ*, tập 16, số X3.
- Lê Thụy Hồng Yến (2019). *Hội quán người Hoa ở Nam Bộ từ cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XX*. Hà Nội: Hội Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội.
- Nam Phong, Số 29. (1919).
- Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên) (2000). *Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ (Từ thế kỷ XVII đến năm 1945)*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Công Bình (2020). *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*. NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đệ (2008). *Tổ chức xã hội người Hoa ở Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đức Hiệp (2014). *Kinh tế và xã hội người Hoa ở Chợ Lớn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 3 - 4 (110 - 111).
- Nguyễn Phan Quang (1998). *Góp thêm tư liệu Sài Gòn – Gia Định 1859-1945*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Nguyễn Phan Quang (2002). Người Hoa trên thị trường lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1959-1945). *Nghiên cứu lịch sử*, số 1.
- Nguyễn Phan Quang (2006). *Một số công trình sử học Việt Nam*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Thị Huệ (2016). Một số trung tâm buôn bán lúa gạo ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, số 44.
- Phan Quang (2014). *Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Lao động.
- Philippe Le Failler, Trần Thị Lan Anh, Trịnh Thị Thu Hồng (dịch) (2000). *Thuộc phiên và chính quyền thuộc địa ở châu Á từ độc quyền đến cấm đoán, 1897 - 1940*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin, Viện Viễn Đông Bác Cổ.
- Sơn Nam (2014). *Đất Gia Định - Bến Nghé xưa và người Sài Gòn*. NXB Trẻ.
- Trần Khánh (2002). *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (Thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn)*. Hà Nội: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Viện nghiên cứu Đông Nam Á. NXB Khoa học Xã hội.
- Trần Thị Anh Vũ (2018). *Đời sống kinh tế người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn hóa - Văn nghệ.

Ngày nhận bài: 02/11/2021

Biên tập xong: 15/01/2022

Duyệt đăng: 20/01/2022